

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 03 - 2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bé N, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Bé N trình bày: Bà và ông Huỳnh Minh T quen biết và tìm hiểu nhau nên ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B huyện V, tỉnh H. Khi kết hôn thì ông bà chung sống cùng với gia đình chồng tại xã B, huyện V sau đó thì chuyển về

xã T, huyện V sinh sống cho đến nay. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên hai vợ chồng đã ly thân. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cũng không gặp nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Minh T. Về con chung, giữa bà Trần Thị Bé N với ông Huỳnh Thị Tạo có 02 người con chung họ tên là Huỳnh Văn T, sinh ngày 14/7/1999 và Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 15/6/2007. Cháu Huỳnh Văn T đã thành niên và có cuộc sống tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Huỳnh Thị Anh T hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Anh T, không yêu cầu ông Huỳnh Minh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 10/11/2021, cháu Huỳnh Thị Anh T trình bày ý kiến nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng ông Huỳnh Minh T đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn là đúng pháp luật; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung giao cháu Huỳnh Thị Anh T cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, bị đơn chưa cấp dưỡng do nguyên đơn chưa yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu giải quyết; về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật; về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất đều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Bé N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Huỳnh Minh T, yêu cầu được nuôi con chung mà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm bà Trần Thị Bé N khởi kiện thì ông Huỳnh Minh T có địa chỉ tại Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn Huỳnh Minh T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Bé N, vào ngày 29/11/2021 đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào 04/8/2003, giữa bà Trần Thị Bé N với ông Huỳnh Minh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bé N với ông Huỳnh Minh T đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2003, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh T (nay tỉnh H). Thời điểm bà Trần Thị Bé N với ông Huỳnh Minh T đăng ký kết hôn, thì ông bà đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên hai vợ chồng ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng ông bà không còn quan tâm đến nhau, cũng không gặp nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2021, ông bà có hai con chung đang sống cùng ông bà, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn giữa ông bà thì chính quyền địa phương không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Bé N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, từ khi ly thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bé N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa bà Trần Thị Bé N với ông Huỳnh Minh T có 02 người con chung có họ tên là Huỳnh Văn T, sinh ngày 14/7/1999 và Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 15/6/2007. Đối với con chung Huỳnh Văn T đã thành niên và có việc làm ổn định, có cuộc sống tự lập nên bà Trần Thị Bé N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu Huỳnh Thị Anh T hiện tại đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Anh T. Về phía bị đơn ông Huỳnh Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2021 thì cháu Huỳnh Thị Anh T đang sống chung nhà với cha mẹ nhưng ông Huỳnh Minh T thường xuyên vắng nhà nên bà Trần Thị Bé N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Anh T. Cháu Huỳnh Thị Anh T có nguyện vọng sống cùng mẹ, bên cạnh đó cháu là nữ, để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Huỳnh Thị Anh T, nên tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Anh T cho bà Trần Thị Bé N nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Bé N không yêu cầu ông Huỳnh Minh T cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự; do đó, ông Huỳnh Minh T chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì bà Trần Thị Bé N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Bé N khẳng định về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 97, Điều 98, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 116, 117, 118, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé N

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Bé N với ông Huỳnh Minh T được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1. Con chung Huỳnh Văn T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1999 đã thành niên nên không xem xét.

2.2. Giao cháu Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 15 năm 6 năm 2007 cho bà Trần Thị Bé N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Minh T chưa phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Bé N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002535, ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, bà Trần Thị Bé N đã nộp xong, không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã;
- Công TTĐTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Quyền Trân